TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2026/DS-ST
Ngày: 20-05-2026.
Về tranh chấp Hợp đồng dịch vụ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Đoàn Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Lan.

2/ Bà Đoàn Thị Mai Anh.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 4144/2025/TLST – DS ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp "Hợp đồng dịch vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 315/2026/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 04 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Bà Trần Nguyễn Cẩm T, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: B Đường số D, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

Công ty TNHH Đ (vắng mặt).

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà I, số D N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Thái Thanh T1, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Căn hộ I, Lô E, Chung cư S, C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Nguyễn Cẩm T trình bày như sau: Ngày 29/05/2023, bà Trần Nguyễn Cẩm T và Trung Tâm N – Hợp tác Quốc tế ký kết Hợp đồng tư vấn dịch vụ số 04111982/2023/HĐTVDV-LĐTN-UC với nội dung cụ thể như sau: Trung Tâm Ngoại ngữ - Tin học – Hợp tác Quốc tế nhận tư vấn và làm thủ tục trọn gói xin Visa lao động tại Úc cho bà Trần Nguyễn Cẩm T. Thời gian xử lý hồ sơ là từ 14 đến 16 tháng. Chi phí chung là 550.000.000 đồng, được chia thành 02 đợt đóng tiền như sau: Đợt 1: Phí hồ sơ và luật sư là 450.000.000 đồng; Đợt 2: Phí dịch vụ làm hồ sơ là 100.000.000 đồng. Sau khi ký kết hợp đồng, bà Trần Nguyễn Cẩm T đã chuyển khoản thanh toán tổng cộng số tiền là 580.495.000 đồng được chia làm 2 đợt, cụ thể như sau: Đợt 1: Chuyển khoản thanh toán số tiền 470.495.000 đồng; Đợt 2: Chuyển khoản thanh toán số tiền 110.000.000 đồng. Đến ngày 12/03/2024, bà Trần Nguyễn Cẩm T và Công ty TNHH Đ đã ký kết Biên bản làm việc về việc chuyển Hợp đồng tư vấn dịch vụ sang cho Công ty TNHH Đ tiếp tục xử lý hồ sơ. Theo đó, hai bên đã thống nhất chuyển Hợp đồng tư vấn dịch vụ đã ký với Trung tâm N – Hợp tác quốc tế sang cho Công ty TNHH Đ tiếp tục xử lý hồ sơ và các nội dung của hợp đồng đã ký trước đây không thay đổi. Tuy nhiên, đã quá thời hạn cam kết nhưng Công ty TNHH Đ vẫn không thực hiện được nội dung hợp đồng đã ký kết. Đến ngày 12/10/2024, bà Trần Nguyễn Cẩm T và Công ty TNHH Đ thỏa thuận kết thúc hợp đồng và hoàn trả tiền theo Biên bản làm việc, cụ thể như sau: Hai bên đồng ý lập Biên bản làm việc về việc kết thúc Hợp đồng tư vấn dịch vụ số 04111982/2023/HĐTVDV-LĐTN-UC ký ngày 29/05/2023 giữa Trung Tâm N (trực thuộc Trường Cán bộ quản lý giáo dục Thành phố H) và bà Trần Nguyễn Cẩm T (đại diện cho ông Thái Thanh T1) và Biên bản làm việc ngày 12/03/2024 về việc chuyển hợp đồng tư vấn dịch vụ sang cho Công ty TNHH Đ tiếp tục xử lý hồ sơ. Số tiền Công ty TNHH Đ hoàn trả cho bà Trần Nguyễn Cẩm T là 540.000.000 đồng, được chia thành 02 đợt như sau: Lần 1: Hoàn trả số tiền 250.000.000 đồng vào ngày 15/11/2024. Lần 2: Hoàn trả số tiền 290.000.000 đồng vào ngày 15/12/2024. Hình thức hoàn trả là Chuyển khoản qua chủ tài khoản tên: Trần Nguyễn Cẩm T, Số tài khoản: 060244871340, Ngân hàng S. Sau khi thỏa thuận, Công ty TNHH Đ đã hoàn trả số tiền 100.000.000 đồng rồi sau đó thì không thực hiện việc tiếp tục hoàn trả số tiền còn lại như đã cam kết.

Nhận thấy quyền lợi ích bị xâm phạm, bà Trần Nguyễn Cẩm T yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết các vấn đề sau:

Buộc Công ty TNHH Đ có nghĩa vụ trả cho bà Trần Nguyễn Cẩm T số tiền 440.000.000 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH Đ đã được Tòa án tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Thái Thanh T1 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán theo quy

định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định tại các Điều 170, Điều 171 Bộ luật tố tụng dân sự; thực hiện đúng về thời hạn đưa vụ án ra xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự được tiến hành theo đúng quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu theo đúng quy định tại Điều 220; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ nguyên tắc xét xử về phiên tòa sơ thẩm được quy định tại Điều 222, Điều 223 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty TNHH Đ trả cho bà Trần Nguyễn Cẩm T số tiền 440.000.000 đồng. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ tranh chấp:

Xét, bà Trần Nguyễn Cẩm T khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Đ thanh toán số tiền còn thiếu của Hợp đồng tư vấn dịch vụ số 04111982/2023/HĐTVDV – LĐTN – UC ngày 29/05/2023, Biên bản làm việc ngày 12/03/2024 và Biên bản làm việc về việc kết thúc hợp đồng và hoàn trả tiền ngày 12/10/2024. Như vậy, có cơ sở xác định đây là tranh chấp về Hợp đồng dịch vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2025, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2025.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào Hợp đồng tư vấn dịch vụ số 04111982/2023/HĐTVDV-LĐTN-UC ký ngày 29/05/2023, Biên bản làm việc ngày 12/03/2024 và Biên bản làm việc ngày 12/10/2024 thể hiện tại thời điểm ký kết hợp đồng thì Công ty TNHH Đ có địa chỉ trụ sở tại: Số D N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ kết quả xác minh của Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công an phường T, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: "*Qua rà soát, xác minh tại một phần Tầng A, Tòa nhà Indochina Park T2, số D N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh không có công ty nào tên Công ty TNHH Đ có đăng ký hoạt động*"

Căn cứ kết quả xác minh của Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh tại Sở Tài chính Thành phố H và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên do Sở T cung cấp thể hiện: "*Công ty TNHH Đ có trụ sở tại: Một phần T, Tòa nhà Indochina Park T2, số D N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Đến nay doanh nghiệp vẫn chưa đăng ký giải thể*".

Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

1.3. Về thủ tục mở phiên tòa vắng mặt đương sự:

Bị đơn Công ty TNHH Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Thái Thanh T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông Thái Thanh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2]. Về nội dung:

2.1. Xét về tính hợp pháp của Hợp đồng tư vấn dịch vụ số 04111982/2023/HĐTVDV – LĐTN – UC ngày 29/05/2023, Biên bản làm việc ngày 12/03/2024 và Biên bản làm việc về việc kết thúc hợp đồng và hoàn trả tiền ngày 12/10/2024:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở khẳng định như sau: Ngày 29/05/2023, bà Trần Nguyễn Cẩm T và Trung tâm N ký kết Hợp đồng tư vấn dịch vụ với nội dung cụ thể như sau: Trung tâm N nhận tư vấn và làm thủ tục trọn gói xin visa lao động tại Úc cho bà Trần Nguyễn Cẩm T. Thời gian xử lý hồ sơ là từ 14 đến 16 tháng. Chi phí chung là 550.000.000 đồng được chia thành 02 đợt đóng tiền như sau: Đợt 1: Phí hồ sơ và luật sư là 450.000.000 đồng; Đợt 2: phí dịch vụ làm hồ sơ là 100.000.000 đồng. Đến ngày 12/03/2024, bà Trần Nguyễn Cẩm T và Công ty TNHH Đ đã ký kết biên bản làm việc về việc chuyển Hợp đồng tư vấn dịch vụ sang cho Công ty TNHH Đ tiếp tục xử lý hồ sơ. Theo đó, hai bên đã thống nhất chuyển Hợp đồng tư vấn dịch vụ đã ký với Trung tâm N – Hợp tác quốc tế sang cho Công ty TNHH Đ tiếp tục xử lý hồ sơ và các nội dung của hợp đồng đã ký trước đây không thay đổi.

Xét, tại thời điểm xác lập giao dịch dân sự, bà Trần Nguyễn Cẩm T và Công ty TNHH Đ đều là những chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, tham gia giao dịch một cách hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đây là giao dịch dân sự được xác định là hợp pháp nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự của các bên đương sự.

Đến ngày 12/10/2024, bà Trần Nguyễn Cẩm T và Công ty TNHH Đ thỏa thuận kết thúc hợp đồng và hoàn trả tiền theo Biên bản làm việc, cụ thể như sau: Hai bên đồng ý lập Biên bản làm việc về việc kết thúc Hợp đồng tư vấn dịch vụ số 04111982/2023/HĐTVDV – LĐTN – UC ký ngày 29/05/2023 giữa Trung tâm N – Hợp tác quốc tế và bà Trần Nguyễn Cẩm T và Biên bản làm việc ngày 12/03/2024 về việc chuyển hợp đồng tư vấn dịch vụ sang cho Công ty TNHH Đ tiếp tục xử lý hồ sơ.

Tại khoản 2 Điều 422 Bộ luật dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định: "*Hợp đồng chấm dứt trong trường hợp sau đây: 2. Theo thỏa thuận của các bên*".

Như vậy, có cơ sở khẳng định việc chấm dứt hợp đồng trên cơ sở thỏa thuận của các bên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được xác định là hợp pháp.

2.2. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Cẩm T3 về việc buộc Công ty TNHH Đ thanh toán số tiền 440.000.000 đồng.

Căn cứ theo Phiếu thu hộ tiền ngày 29/05/2023, Phiếu thu ngày 29/05/2023, Phiếu thu ngày 10/07/2023, Phiếu thu hộ tiền ngày 12/03/2024 cũng như sự xác nhận của các đương sự tại Biên bản làm việc ngày 12/03/2024, Biên bản làm việc ngày 12/10/2024 thì có cơ sở khẳng định: Sau khi ký kết Hợp đồng tư vấn dịch vụ số 04111982/2023/HĐTVDV – LĐTN – UC ngày 29/05/2023, bà Trần Nguyễn Cẩm T đã đóng cho Trung Tâm N – Hợp tác Quốc tế số tiền tổng cộng là 580.495.000 đồng. Đến ngày 12/03/2024, Trần Nguyễn Cẩm T và Công ty TNHH Đ đã ký kết Biên bản làm việc về việc chuyển Hợp đồng tư vấn dịch vụ sang cho Công ty TNHH Đ tiếp tục xử lý hồ sơ. Theo đó, hai bên đã thống nhất chuyển Hợp đồng tư vấn dịch vụ đã ký với Trung tâm N – Hợp tác quốc tế sang cho Công ty TNHH Đ tiếp tục xử lý hồ sơ và các nội dung của hợp đồng đã ký trước đây không thay đổi. Ngày 12/10/2024, bà Trần Nguyễn Cẩm T và Công ty TNHH Đ ký kết biên bản làm việc về việc kết thúc hợp đồng và hoàn trả số tiền còn lại là 540.000.000 đồng. Điều này được ghi nhận tại Điều 2 của Biên bản làm việc ngày 12/10/2024 được ký kết giữa bà Trần Nguyễn Cẩm T và Công ty TNHH Đ.

Xét, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn Công ty TNHH Đ nhưng không có người đại diện đến trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ. Do đó, bị đơn Công ty TNHH Đ đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa, bà Trần Nguyễn Cẩm T xác nhận Công ty TNHH Đ đã chuyển khoản thanh toán số tiền 100.000.000 đồng.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Nguyễn Cẩm T về việc buộc bị đơn Công ty TNHH Đ thanh toán số tiền còn thiếu là 440.000.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì:

- Bà Trần Nguyễn Cẩm T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Công ty TNHH Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

- Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 357, Điều 468, Điều 513, Điều 514, Điều 515, Điều 516, Điều 517, Điều 518, Điều 519 Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH Đ có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Nguyễn Cẩm T số tiền còn thiếu của Hợp đồng tư vấn dịch vụ số 04111982/2023/HĐTVDV – LĐTN – UC ngày 29/05/2023, Biên bản làm việc ngày 12/03/2024 và Biên bản làm việc về việc kết thúc hợp đồng và hoàn trả tiền ngày 12/10/2024, tổng cộng là 440.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi triệu đồng).

Thi hành tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 21/05/2026 cho đến khi thi hành xong các khoản tiền nêu trên, hàng tháng Công ty TNHH Đ còn phải có trách nhiệm trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại Biên bản làm việc về việc kết thúc hợp đồng và hoàn trả tiền ngày 12/10/2024 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Trường hợp lãi suất ngân hàng có sự điều chỉnh theo từng thời kỳ thì tiền lãi mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn cũng được điều chỉnh cho phù hợp.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.600.000 đồng (hai mươi mốt triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho bà Trần Nguyễn Cẩm T số tiền tạm ứng án phí là 10.800.000 đồng (mười triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0038949 ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

- Bà Trần Nguyễn Cẩm T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Công ty TNHH Đ được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND KV1;
- THADS TP.HCM;
- Lưu;
- VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Đoàn Thanh Trúc